

Số: **788** /BXD-QLN

Hà Nội, ngày **27** tháng 02 năm 2024

V/v thúc đẩy Đề án "Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030" năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày 03/4/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 338/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030". Theo đó, mục tiêu Đề án đặt ra đến năm 2030, tổng số căn hộ các địa phương hoàn thành khoảng 1.062.200 căn. Trong đó, giai đoạn 2021-2025 hoàn thành khoảng 428.000 căn; giai đoạn 2025-2030 hoàn thành khoảng 634.200 căn nhà ở xã hội.

Tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, Chính phủ đặt mục tiêu trong năm 2024 nỗ lực phấn đấu trên địa bàn cả nước hoàn thành 130 nghìn căn hộ nhà ở xã hội.

Ngày 22/02/2024, Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị toàn quốc thúc đẩy Đề án "Đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030" trong năm 2024. Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tham dự và chỉ đạo Hội nghị. Theo đó, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà chỉ đạo các Bộ, ngành và địa phương cần tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp để đảm bảo mục tiêu hoàn thành 130 nghìn căn hộ nhà ở xã hội mà Chính phủ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024.

Để thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án; đồng thời căn cứ mục tiêu của Đề án và chỉ tiêu theo phụ lục nhà ở xã hội hoàn thành trong năm 2024 (theo Phụ lục gửi kèm theo), khẩn trương lập kế hoạch triển khai cụ thể việc đầu tư các dự án nhà ở xã hội đảm bảo mục tiêu đề ra.

Trân trọng./.

Nơi nhận: *HLB*

- Như trên;

- Lưu: VT, QLN (02).



Nguyễn Thanh Nghị

Phụ lục
CHỈ TIÊU NHÀ Ở XÃ HỘI HOÀN THÀNH TRONG NĂM 2024

STT	Địa phương	Kế hoạch theo Đề án giai đoạn 2021-2025 (căn)	Dự án đã cấp phép, khởi công		Chỉ tiêu hoàn thành trong năm 2024 (căn)
			Số dự án	Số lượng (căn)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng	428.000	127	107.896	134.890
1	Hà Giang	400	0	0	0
2	Cao Bằng	400	0	0	0
3	Lào Cai	3.200	1	917	920
4	Bắc Kạn	200	0	0	0
5	Lạng Sơn	1.500	1	796	800
6	Tuyên Quang	400	0	0	0
7	Yên Bái	200	0	0	0
8	Sơn La	1.400	0	0	200
9	Phú Thọ	7.000	3	1.055	1.300
10	Hưng Yên	13.100	3	2.500	2.500
11	Bắc Giang	33.200	5	12.475	12.500
12	Thái Nguyên	8.800	1	689	690
13	Ninh Bình	2.300	0	0	500
14	Hòa Bình	5.300	1	435	440
15	Hà Nội	18.700	3	1.700	6.750

STT	Địa phương	Kế hoạch theo Đề án giai đoạn 2021-2025 (căn)	Dự án đã cấp phép, khởi công		Chỉ tiêu hoàn thành trong năm 2024 (căn)
			Số dự án	Số lượng (căn)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
16	Nam Định	3.400	0	0	500
17	Thái Bình	2.300	1	498	500
18	Hải Dương	5.800	1	336	340
19	Hà Nam	3.900	4	4.081	4.100
20	Vĩnh Phúc	8.800	0	0	380
21	Bắc Ninh	30.700	15	10.500	10.500
22	Hải Phòng	15.400	7	11.678	11.700
23	Quảng Ninh	8.200	3	2.254	2.300
24	Điện Biên	400	0	0	0
25	Lai Châu	400	0	0	0
26	Thanh Hóa	6.300	9	4.948	5.000
27	Nghệ An	13.500	2	607	1.960
28	Hà Tĩnh	1.500	1	152	160
29	Quảng Bình	3.700	0	0	500
30	Quảng Trị	2.300	1	142	150
31	Thừa Thiên Huế	3.100	1	1.200	1.200
32	Quảng Nam	14.700	1	1.176	1.200
33	Quảng Ngãi	1.500	0	0	500

STT	Địa phương	Kế hoạch theo Đề án giai đoạn 2021-2025 (căn)	Dự án đã cấp phép, khởi công		Chỉ tiêu hoàn thành trong năm 2024 (căn)
			Số dự án	Số lượng (căn)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
34	Đà Nẵng	6.400	5	2.750	2.750
35	Khánh Hòa	3.400	1	260	3.900
36	Phú Yên	11.800	0	0	1.900
37	Kon Tum	1.200	0	0	150
38	Đắk Lắk	9.000	2	96	1.200
39	Đắk Nông	1.500	0	0	110
40	Gia Lai	1.500	0	0	300
41	Lâm Đồng	800	1	293	300
42	Bình Định	6.400	4	3.586	3.600
43	Bình Phước	10.900	5	451	600
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.200	2	342	350
45	Đồng Nai	7.500	8	9.047	9.100
46	Bình Thuận	5.600	3	7.259	7.300
47	Ninh Thuận	1.300	0	0	500
48	Tây Ninh	5.000	2	1.763	1.800
49	Bình Dương	46.400	7	6.557	6.600
50	Hồ Chí Minh	26.200	7	4.996	12.800
51	Đồng Tháp	2.800	2	949	950

STT	Địa phương	Kế hoạch theo Đề án giai đoạn 2021-2025 (căn)	Dự án đã cấp phép, khởi công		Chỉ tiêu hoàn thành trong năm 2024 (căn)
			Số dự án	Số lượng (căn)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
52	Long An	22.500	0	0	460
53	Tiền Giang	3.100	2	790	790
54	An Giang	2.500	3	2.384	2.400
55	Hậu Giang	700	0	0	100
56	Vĩnh Long	2.300	1	373	400
57	Sóc Trăng	2.600	0	0	500
58	Kiên Giang	1.700	2	2.323	2.400
59	Cần Thơ	4.100	3	3.242	3.300
60	Bến Tre	1.700	1	240	240
61	Bạc Liêu	900	0	0	200
62	Cà Mau	1.100	0	0	200
63	Trà Vinh	8.900	2	2.056	2.100